

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **119/2025/HC-ST**

Ngày: 16 - 9 - 2025

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lương Thanh Chín.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đoàn Văn Tám và ông Đào Văn Sáng.

- Thư ký phiên tòa: ông Chu Trần Quốc Huy, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2021/TLST-HC ngày 19/4/2021, về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2025/QĐXXST-HC ngày 06 tháng 6 năm 2025; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 139/TB-TA ngày 27/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 305/2025/QĐXXST-HC ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: bà Hồ Mẫn M, sinh năm: 1970, địa chỉ: Số H, đường N, thôn H, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Hoàng Thị Đ, sinh năm: 1991, địa chỉ: Số D, đường T, thôn H, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

- Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Thuận;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Thuận;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã

H, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Lư Đức H, Phó Phòng Kinh tế xã H, tỉnh Lâm Đồng.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1951; địa chỉ: Số A, đường T, thôn H, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

2. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1973; địa chỉ: Số G, đường N, thôn H, xã H, tỉnh Lâm Đồng;

Đương sự có mặt: bà Hồ Mẫn M, bà Hoàng Thị Đ.

Đương sự có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có mặt: ông Lư Đức H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người khởi kiện là bà Hồ Mẫn M1, người đại diện theo ủy quyền của bà M1 là bà Hoàng Thị Đ trình bày:

Vào khoảng năm 2001, bà Hồ Mẫn M1 khai hoang thửa đất có diện tích khoảng 7.000m² đất thuộc khu vực nghĩa địa cũ, thôn H, xã H, huyện B, để canh tác trồng trọt hoa màu, cây ngắn ngày, cây lâu năm, kết hợp chăn nuôi bò, quá trình sử dụng có khai hoang, mở rộng nâng tổng diện tích đất mà bà M1 quản lý, sử dụng khoảng 8.000m². Trong quá trình sử dụng đất, không phát sinh tranh chấp với ai, tuy nhiên đại diện Ủy ban nhân dân xã H có nhiều lần đến lập biên bản vi phạm và yêu cầu tôi khôi phục lại hiện trạng ban đầu, trong khi đó các hộ canh tác liền kề cũng sử dụng đất trên khu vực nghĩa địa cũ thì không bị xử phạt hay buộc khôi phục lại hiện trạng, vì cho rằng điều này là bất công, thiếu minh bạch nên bà M1 không đồng ý. Trong các năm 2000 và năm 2007, bà M1 có đề nghị Ủy ban nhân dân xã H cấp đất cho hộ nghèo và cận nghèo không có đất sản xuất nhưng lại không được xem xét, giải quyết. Ngày 25/8/2010, lợi dụng việc bà M1 không biết chữ, thiếu hiểu biết nên ông G Sau H1 yêu cầu bà M1 ký vào biên bản và thông báo rằng chỉ cần ký vào biên bản là được cấp đất, nhưng không nói rõ nội dung biên bản thể hiện về vấn đề gì, mãi sau này, bà M1 mới biết có nội dung bà M1 sẽ tự nguyện di dời, tháo dỡ tài sản gắn liền với đất và hoàn trả đất cho Nhà nước khi thu hồi đất để xây dựng công trình, dự án. Từ biên bản này, đến ngày 09/9/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B đã ban

hành Quyết định số 96/QĐ-KPHQ, buộc bà M1 khôi phục lại hiện trạng ban đầu. Không đồng ý với quyết định này, bà M1 đã khiếu nại và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 09/QĐ-UBND, ngày 05/01/2021. Trong quá trình giải quyết khiếu nại, vào năm 2021, bà M1 mới được Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện B giao Quyết định số 9801/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc không bồi thường, hỗ trợ về đất đai đối với công trình cao tốc Bắc – Nam tại xã H.

Không đồng ý với việc bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả khôi phục lại tình trạng ban đầu, quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định không bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất, bà M1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 96/QĐ-KPHQ, ngày 09/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, về việc khắc phục hậu quả;

- Hủy Quyết định số 9801/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B, về việc không bồi thường, hỗ trợ về đất đai đối với công trình cao tốc Bắc – Nam tại xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

- Hủy Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Thuận về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Mẫn M (lần đầu).

Theo Công văn số 2186/UBND-NC, ngày 18/8/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:

Thửa đất có diện tích 7.796,9m² (trong đó: phần diện tích đã xử lý vi phạm hành chính là 6.928m², phần diện tích tăng 868,9m² do mở rộng lấn đường mòn về phía Tây khu đất), tọa lạc tại khu vực nghĩa địa cũ thuộc thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận, có nguồn gốc là đất chưa sử dụng do Nhà nước quản lý và đã đưa vào quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2010 đến năm 2020 là khu giết mổ gia súc tập trung xã H và đã điều chỉnh bổ sung năm 2019 đất giao thông (dự án Đường bộ cao tốc Bắc - N).

Vào tháng 10/2009, ông Lê Văn X là người được bà Hồ Mẫn M thuê làm công, tác động lên khu đất trên làm chuồng bò, nhà tạm và rào quanh khu đất diện tích 6.928m² nhưng đã được Ủy ban nhân dân xã H phát hiện, lập biên bản kiểm tra và ban hành Thông báo số 90/TB-UBND, ngày 03/11/2009, về việc yêu cầu tháo dỡ các công trình: chuồng bò, nhà tạm trên đất do Nhà nước quản lý. Tại Biên bản làm việc ngày 25/8/2010 của Ủy ban nhân dân xã H, nội dung làm việc: bà M xác nhận ông Lê Văn X là người làm thuê cho bà, diện tích đất trên

là do bà rào bao quanh để sản xuất, chăn nuôi; đồng thời cam kết: “*Nếu Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình dự án thì tôi đồng ý tháo dỡ chòi tạm, chuồng bò giao lại đất cho Ủy ban nhân dân xã quản lý*”. Ngày 13/3/2014 bà Hồ Mẫn M tiếp tục trồng trụ thanh long, đến ngày 20/3/2014 Ủy ban nhân dân xã H có biên bản làm việc yêu cầu bà Hồ Mẫn M tháo dỡ trụ thanh long, không được tác động trên đất do Ủy ban nhân dân xã Q, bà M trình bày: “*Do không có đất sản xuất, hoàn cảnh gia đình khó khăn, Nhà nước có di dời khi có quy hoạch gì thì tôi chấp hành*”.

Với hành vi trên, ngày 07/11/2014 Ủy ban nhân dân xã H lập biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC đối với bà Hồ Mẫn M với hành vi chiếm đất chưa sử dụng do Ủy ban nhân dân xã Q, diện tích: 6.928m² và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X theo thẩm quyền. Ngày 14/11/2014 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 90/QĐ-XPVPHC, xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Hồ Mẫn M với số tiền 10.000.000đồng và buộc khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm. Bà M không chấp hành quyết định xử phạt và tiếp tục trồng thanh long trên diện tích đất này. Đến ngày 01/7/2019 Phòng Tư pháp huyện có Công văn số 20/TP, đề xuất Ủy ban nhân dân huyện C xử lý 03 trường hợp chiếm đất trên địa bàn xã H và Ủy ban nhân dân huyện có Công văn số 1414/UBND-NC ngày 11/7/2019, chỉ đạo tham mưu hủy Quyết định số 90/QĐ-XPVPHC ngày 14/11/2014 và kiểm tra, củng cố hồ sơ khắc phục hậu quả đối với hành vi chiếm đất của bà Hồ Mẫn M.

Ngày 20/8/2019 Ủy ban nhân dân xã H đã kiểm tra và củng cố hồ sơ vi phạm, qua đó có Tờ trình số 61/TTr-UBND, đề nghị Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Hồ Mẫn M do hành vi chiếm đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân xã quản lý, với diện tích 6.928m², Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 96/QĐ-KPHQ ngày 09/9/2019 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với bà M.

Ngày 25/9/2019 bà Hồ Mẫn M có đơn khiếu nại yêu cầu hủy Quyết định số 96/QĐ-KPHQ ngày 09/9/2019, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Qua xem xét hồ sơ có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 05/01/2021, về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, kết quả không công nhận nội dung khiếu nại của bà Hồ Mẫn M.

Về việc không bồi thường khi thu hồi đất: diện tích thu hồi: 7.796,9m² theo Thông báo số 981/TB-UBND ngày 25/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B, loại đất chưa sử dụng do Ủy ban nhân dân xã H quản lý. Theo Biên bản họp

Hội đồng xét tính pháp lý về nguồn gốc đất của xã H ngày 30/8/2020 và của huyện B ngày 22/11/2019, đất thu hồi để xây dựng Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông đoạn V - P tại xã H, xác định: diện tích thu hồi 7.796,9m² chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Hồ Mẫn M chiếm đất của Ủy ban nhân dân xã quản lý từ năm 2009 và sử dụng đến nay. (Phần diện tích xử lý vi phạm hành chính là 6.928m², diện tích đo đạc Đường bộ cao tốc Bắc - Nam là 7.796,9 m², phần diện tích tăng 868,9m² do lấn đường mòn về phía Tây khu đất); Hội đồng bồi thường huyện: thống nhất không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ về đất diện tích 7.796,9m² (áp dụng theo Điều 82 Luật Đất đai năm 2013); về tài sản, cây trái có trên đất không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ (áp dụng theo Điều 92 Luật Đất đai năm 2013). Ngày 30/12/2019 Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định số 9801/QĐ- UBND về việc không bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với công trình Đường bộ cao tốc Bắc Nam tại xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận cho bà Hồ Mẫn M.

Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện B xác định yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Mẫn M1 là không có căn cứ pháp luật, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M1.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn C trình bày: nguyên ông là Trưởng thôn Hải Thủy từ năm 1996 đến năm 2011. Ông sinh ra và lớn lên tại tỉnh Hà Nam, đến năm 1963 ông di dân vào thôn H, xã H, huyện B cho đến nay. Trong quá trình sinh sống và công tác trong Ban quản lý thôn, ông nhìn thấy gia đình bà M1 có khai hoang, canh tác và sử dụng từ năm 2001 đối với phần đất mà bà M1 đang yêu cầu bồi thường, gia đình bà M1 vừa sử dụng vừa mở rộng diện tích, đến năm 2010 có đoàn đo đạc của tỉnh Phú Yên vào đo đạc tổng thể đất trên địa bàn thôn H thì xác định được diện tích mà gia đình bà M1 sử dụng là 0,85ha. Cùng năm đó, gia đình bà M1 có nộp cho Ban Quản lý thôn hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm đơn và giấy chứng minh nhân, sổ hộ khẩu có tên bà Hồ Mẫn M, toàn bộ hồ sơ này đã được Ban Quản lý thôn chuyển lên Ủy ban nhân dân xã H thông qua công chức địa chính xã.

Quá trình làm Trưởng thôn, ông không nhận được bất kỳ thông báo nào của Ủy ban nhân dân xã H về hành vi lấn, chiếm và tạo dựng tài sản trái phép trên phần đất mà gia đình bà M đang quản lý, sử dụng, ông cũng không được yêu cầu tham gia vào các buổi làm việc, lập biên bản ghi nhận sự việc. Vấn đề bà Hồ Mẫn M có biết chữ hay không thì ông không xác định được, vì ông không phụ trách tìm hiểu vấn đề này.

Ngoài ra, trong quá trình làm Trưởng thôn, ông được cử đi khảo sát cùng với công chức địa chính xã lúc đó là ông Lê Ngọc B, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã là ông Nguyễn C1, rà soát khu vực được quy hoạch làm khu giết mổ gia súc tập trung của xã, và thực hiện di dời một số hộ dân ra khỏi khu vực này. Trong quá trình thực hiện ông được nghe các thành viên trong đoàn nói là về phạm vi và khu vực quy hoạch nằm cách phần đất của bà Hồ Mẫn M và cách đất của bà M vài chục mét.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn K trình bày: gia đình ông chuyển về thôn H, xã H, huyện B từ năm 1993 cho đến nay và sinh sống gần phần đất mà bà M bị thu hồi, có chứng kiến việc gia đình bà M khai hoang, sử dụng đất từ năm 2001 cho đến khi bị thu hồi. Khu vực này rất khô cằn và khó canh tác, nên gia đình bà M rất vất vả mới canh tác sử dụng đất này, ông nhận thấy rất bất công với gia đình bà M, vì đất xung quanh ai cũng được bồi thường, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng gia đình bà M trồng cây, canh tác trên đất thì không được bồi thường, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặc dù không tranh chấp với bất kỳ ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: bác yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Mẫn M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: bà Hồ Mẫn M khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 96/QĐ-KPHQ ngày 09/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, về việc khắc phục hậu quả; Hủy Quyết định số 9801/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B, về việc không bồi thường, hỗ trợ về đất đai đối với công trình cao tốc Bắc - Nam tại xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận; Hủy Quyết định số 09/QĐ-UBND, ngày 05/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Thuận về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ

Mẫn M (lần đầu). Đây là các quyết định hành chính được Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước về đất đai, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Luật Tổ tụng hành chính.

Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B được xác định là người bị kiện theo quy định tại khoản 9 Điều 3 của Luật Tổ tụng hành chính, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: ngày 05/01/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 09/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Mẫn M1 (Lần đầu), đối với khiếu nại Quyết định số 96/QĐ-KPHQ ngày 09/9/2019, về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra. Bà M1 xác định bà nhận được Quyết định số 9801/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B vào năm 2021, tại Biên bản làm việc lập ngày 15/10/2020, thể hiện Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện B đã tổng đạt Quyết định này cho bà M1 vào ngày 15/10/2020. Theo dấu của dịch vụ bưu chính xã H thì tháng 02/2021 bà M1 gửi đơn khởi kiện đến Tòa án, như vậy, việc khởi kiện của bà M1 đối với các quyết định hành chính nêu trên là trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại khoản 2 khoản 3 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về thủ tục tố tụng: người bị kiện có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 157, Điều 158 của Luật Tổ tụng hành chính.

Người khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án triệu tập ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn K làm chứng, không yêu cầu người khác làm chứng nên Tòa án không triệu tập.

[4] Về xác định diện tích đất liên quan đến vụ án: tại Biên bản lấy lời khai lập ngày 25/5/2023, người khởi kiện xác định do hiện trạng đất đã bị thay đổi do xây dựng đường cao tốc, tài sản gắn liền với đất, mốc giới, ranh giới đất trước đây không còn nên không thể xác định được vị trí, diện tích của thửa đất, không có căn cứ để tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc thực tế diện tích đất bị thu hồi. Người khởi kiện đề nghị Tòa án xác định vị trí, diện tích được nêu tại Quyết định số 2444/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 09/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B là diện tích 7.796,9m² làm căn cứ giải quyết vụ án. Đối với các tài

sản gắn liền với đất, người khởi kiện thống nhất với kết quả kiểm kê do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện trong quá trình thu hồi đất, về số lượng, chủng loại, tuổi cây...

[5] Về nội dung: ngày 28/10/2009 ông G Sau H1 là công chức địa chính xã H lập biên bản làm việc ghi nhận nội dung ngày 27/10/2009 Tổ Kiểm tra thực hiện Chỉ thị số 39/CT-UBND của Ủy ban nhân dân xã H, kiểm tra tại khu vực nghĩa địa H, phát hiện ông Lê Văn X chiếm đất với diện tích 5.292m², hiện trạng có căn nhà tạm với diện tích 12m² (3m x 4m), dựng chuồng bò, biên bản có chữ ký của ông G Sau H1 và ông Lại Tiến D, Phó Trưởng Công an xã H, ông X không ký vào biên bản. Ngày 03/11/2009 Ủy ban nhân dân xã H ban hành Thông báo số 90/TB-UBND ngày 03/11/2009, về việc yêu cầu ông Lê Văn X tháo dỡ các công trình (chuồng bò, nhà tạm) trên đất nghĩa địa do Ủy ban nhân dân xã H quản lý, ông X nhận được Thông báo này vào ngày 04/11/2009 theo biên bản giao - nhận được lập cùng ngày.

Ngày 25/8/2010 ông Gín Sau H1 tiếp tục lập biên bản làm việc với bà Hồ Mẫn M, trong đó có nội dung bà M cam kết nếu Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình, dự án thì bà M đồng ý tháo dỡ chòi tạm, chuồng bò và giao lại đất cho Ủy ban nhân dân xã quản lý, đồng thời bà M đề nghị chính quyền địa phương tạo điều kiện để tiếp tục được sử dụng đất, biên bản có chữ ký của ông H1 và bà M, mặc dù nội dung biên bản thể hiện thành phần tham gia buổi làm việc có ông Nguyễn C1, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N không có chữ ký của ông C1, cũng như đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã. Tại Công văn số 329/UBND ngày 17/11/2022 Ủy ban nhân dân xã H xác định ông Nguyễn C1 trình bày khi lập biên bản thì có đọc lại cho các thành viên dự họp cùng nghe. Ngày 13/3/2014 ông Lê Minh H2, công chức xã H lập biên kiểm tra về hành vi chiếm đất trồng thanh long tại khu vực nghĩa địa cũ đối với bà Hồ Mẫn M, ngày 20/3/2014 ông H2 tiếp tục lập biên bản làm việc với bà M, nhắc nhở và yêu cầu bà M không được tác động trồng trụ bê tông, trồng cây trên thửa đất có diện tích 6.928m², bà M không đồng ý ký vào biên bản.

Ngày 07/11/2014 Ủy ban nhân dân xã H lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với hành vi chiếm đất chưa sử dụng do Ủy ban nhân dân xã H quản lý với diện tích 6.928m² của bà Hồ Mẫn M, bà M có trình bày do không có đất để sản xuất và gia đình thuộc diện hộ nghèo nên bà M mới phát, dọn để canh tác và bảo vệ đất khỏi bị người khác lấn chiếm, xung quanh cũng có nhiều người khai thác làm được nhưng chỉ bà M bị xử phạt, đề nghị Ủy ban nhân dân xã xem xét, nhưng bà M không ký vào biên bản.

Ngày 10/11/2014 Ủy ban nhân dân xã H ban hành Tờ trình số 132/T.Tr-UBND đề nghị xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với bà M. Ngày 14/11/2014 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 90/QĐ-XPVPHC, về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Hồ Mẫn M, ngày 24/11/2014 Ủy ban nhân dân xã H lập biên bản ghi nhận sự việc người vi phạm hành chính là bà M không nhận quyết định xử phạt số 90/QĐ-XPVPHC.

Tại Công văn số 2186/UBND-NC, Ủy ban nhân dân huyện B xác định đã chỉ đạo cơ quan tham mưu hủy quyết định này. Ngày 20/8/2019 ông Lê Minh H2, công chức địa chính xã H, lập biên bản kiểm tra đối với hành vi chiếm đất của bà M đối với đất do Ủy ban nhân dân xã Q, bà M không đồng ý ký vào biên bản. Ngày 20/8/2019 ông H2 tiếp tục lập Biên bản vi phạm hành chính về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 07/BB-VPHC đối với hành vi chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất với diện tích 6.928m², thời gian lấn chiếm bắt đầu từ tháng 3/2014 đối với bà M, bà M không ký tên vào biên bản. Ngày 20/8/2019 Ủy ban nhân dân xã H ban hành Tờ trình số 01/T.Tr-UBND, về việc đề nghị Ủy ban nhân dân huyện B quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Hồ Mẫn M, thường trú tại thôn H, xã H. Ngày 09/9/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 96/QĐ-KPHQ, về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Hồ Mẫn M, do đã có hành vi lấn chiếm đất nông nghiệp với diện tích 6.928m² do Ủy ban nhân dân xã H quản lý. Không đồng ý với quyết định này, bà M khiếu nại và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B giải quyết tại Quyết định số 09/QĐ-UBND, ngày 05/01/2021.

[6] Bà M xác định phần đất có diện tích 7.796,9m² tọa lạc tại thôn H, xã H, huyện B có nguồn gốc là bà khai hoang và canh tác sử dụng, ổn định, không tranh chấp từ năm 2001 cho đến khi bị thu hồi thực hiện dự án xây dựng đường C - N. Để chứng minh cho lời trình bày này, bà M cung cấp tài liệu, chứng cứ là các lời khai của ông Lồng Cún G1, sinh năm: 1962, bà Phạm Thị H3, sinh năm: 1967, ông Nguyễn M2, sinh năm: 1950, ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1951, ngoài ra, bà M còn cung cấp lời khai của bà Phù Thị T, sinh năm: 1964, ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1973, ông Mộc Chỉ H4, sinh năm: 1961, bà Hồn Cún K1, sinh năm: 1964, ông Tý Hồng S, sinh năm: 1953, về quá trình sử dụng đất.

Tại Biên bản kiểm kê đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc, cây trái, hoa màu, mồ mả của người thu hồi đất nằm trong dự án do Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện B lập ngày 03/7/2019, thể hiện trên đất của bà M có nhà, năm xây dựng: 2000, kết cấu nền đất, mái tôn, vách tôn, cửa tôn, khung sắt, ngoài ra trên đất

còn có giếng khoan máy, ống dẫn, hàng rào lưới B40, dây kẽm gai, trụ bê tông, 06 mã đất, 04 mã xây, một số cây trồng 10 năm tuổi, cây ngắn ngày, trụ thanh long trồng tháng 02/2013. Tuy nhiên, tại Biên bản làm việc do ông G Sau H1, công chức địa chính xã H lập ngày 28/10/2009, thể hiện hiện trạng đất có nhà tạm diện tích 12m² (3m x 4m), chuồng bò, lấn chiếm vào năm 2009. Kết quả kiểm tra hiện trạng do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B phối hợp với các cơ quan hữu quan khác thực hiện vào ngày 26/6/2020 thì nhà tạm xây dựng từ năm 2009 đến năm 2013 coi nói thêm, xây dựng phục vụ sản xuất nông nghiệp, 07 mã đất, 04 mã xây, 830 trụ thanh long ruột trắng trồng vào năm 2014. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, quy định: “*Thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định được xác định căn cứ vào thời gian và nội dung có liên quan đến mục đích sử dụng đất ghi trên một trong các giấy tờ sau đây: Biên bản hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong việc sử dụng đất, biên bản hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong việc xây dựng công trình gắn liền với đất*”. Như vậy, thời điểm sử dụng đất của bà M được xác định từ năm 2009.

[7] Khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai quy định: “*Điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp*”; điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, quy định: “*Việc xử lý, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014: Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng hoặc tự ý chuyển mục đích sử dụng đất thuộc trường hợp phải xin phép theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thì thực hiện xử lý như sau: Trường hợp đang sử dụng đất thuộc quy hoạch sử dụng đất cho các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai thì Nhà nước thu hồi đất trước khi thực hiện dự án, công trình đó*”.

Bà Hồ Mẫn M không có giấy tờ về đất theo quy định tại Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 để chứng minh việc sử dụng đất hợp pháp của bà. Bà M sử dụng đất nhưng không đăng ký kê khai quyền sử

dụng đất và không thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước đối với đất liên quan đến vụ án. Đồng thời, bà M bị xử phạt vi phạm hành chính do lấn chiếm đất. Do đó, bà M không thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai nên yêu cầu khởi kiện của bà M không có căn cứ pháp luật để chấp nhận như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[8] Lời khai của người làm chứng có mặt tại phiên tòa cũng như lời trình bày, xác nhận của người làm chứng khác không phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên không có căn cứ để xem xét.

[9] Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà Hồ Mẫn M phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2, khoản 4, khoản 9 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32, Điều 116; Điều 157; Điều 158; khoản 3 Điều 191; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính;

- Khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69, khoản 2 Điều 74 của Luật Đất đai năm 2013;

- Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Mẫn M, về việc:

- Hủy Quyết định số 96/QĐ-KPHQ ngày 09/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, về việc khắc phục hậu quả;

- Hủy Quyết định số 9801/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B, về việc không bồi thường, hỗ trợ về đất đai đối với công trình cao tốc Bắc - Nam tại xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

- Hủy Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của Chủ tịch Ủy

ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Thuận về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Mẫn M (lần đầu).

2. Về án phí: bà Hồ Mẫn M phải chịu 300.000đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ 300.000đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008053 ngày 05/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

3. Quyền kháng cáo: đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án; Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lương Thanh Chín